

II. Reading (2.0 points)

Part 1: Read the passage and complete each blank with a correct word. Write A, B, C, or D on your answer sheet.

Scientists are increasingly concerned about the decline of some populations of insects. One scientific review of insect numbers in 2019 pointed to 40% of species facing "alarming rates of decline" around the world. The study said bees, ants and beetles were ____ (11) ____ eight times faster than mammals, birds or reptiles. The ____ (12) ____ of insects has serious consequences as they provide a food source for many birds, bats and reptiles, while plants rely on insects for pollination.

Scientists say ____ (13) ____ pollution may be contributing to the declines in insects in recent decades. Modern LED streetlights seemed to have the biggest impact. The researchers think these lights may prevent night insects ____ (14) ____ laying their eggs or put the insects in danger of being seen and ____ (15) ____ by hunters such as bats.

(Adapted from www.bbc.com)

- | | | | |
|---------------------|---------------|-----------------|------------------|
| 11. A. disappear | B. disappears | C. disappearing | D. disappearance |
| 12. A. construction | B. loss | C. happiness | D. benefit |
| 13. A. water | B. air | C. noise | D. light |
| 14. A. in | B. about | C. at | D. from |
| 15. A. eaten | B. cooked | C. cared | D. helped |

Part 2: Read the passage and choose the correct answer to each of the questions. Write A, B, C, or D on your answer sheet.

Obesity increases a person's risk of cancer, heart disease and other diseases. About 2.6 billion people globally - 38% of the world population - are already overweight or obese. But on current trends that is expected to rise to more than 4 billion people (51%) in 12 years' time, according to research by the World Obesity Federation. Obesity among children and young people is likely to increase faster than **that** among adults. By 2035 it is expected to be at least double the rate seen in 2020 - it will rise by 100% among boys under 18, but go up even more sharply, by 125%, among girls the same age.

Switzerland, Norway, Finland, Iceland and Sweden are among the best prepared countries to deal with obesity while Niger, Nigeria, Somalia and Central African Republic are examples of the world's poorest countries that are the least prepared. Professor Louise Baur, the federation's president, says that the sharpest increases in obesity will be seen in low- and middle-income countries where lack of preparedness and resources will create a perfect storm that will negatively impact obese people the most.

The rising obesity globally is caused by factors such as climate change, Covid restrictions and chemical pollutants, as well as the promotion of unhealthy foods. It is suggested that governments should restrict the marketing of foods that are high in fat, salt or sugar, and provide healthy food in schools.

(Adapted from www.theguardian.com)

16. Which of the following is the best title for the passage?
- The great future of overweight young children
 - More than half of humans to be overweight by 2035
 - How the world's poorest countries fight against obesity
 - The World Obesity Federation's world-class researchers
17. The word "that" in paragraph 2 refers to
- obesity
 - boy
 - girl
 - child
18. According to paragraph 2, who are more likely to be obese?
- old people
 - adults
 - boys
 - girls
19. According to paragraph 3, which countries have more chances to win the fight against obesity?
- High-income countries
 - Low-income countries.
 - Middle-income countries
 - African countries
20. The word "restrict" in paragraph 4 is closest in meaning to
- support
 - promote
 - limit
 - increase

III. Language

Part 1: Vocabulary, Grammar and Pronunciation

Choose the correct answer to each of the following questions. Write A, B, C, or D on your answer sheet.

21. Hard work is the key _____ success
- to
 - with
 - among
 - on
22. _____ the car is old, it still runs well.
- Due to
 - In spite of
 - Despite
 - Although
23. He wanted to go away, but his friends persuaded him _____.
- stay
 - to stay
 - staying
 - to staying
24. The Antarctic blue whale is _____ animal on the planet, weighing up to 180000 kilos (approximately 33 elephants) and reaching up to 30 meters in length.
- bigger
 - the biggest
 - bigger than
 - biggest
25. With so _____ areas of forest being cut down, a lot of wildlife is losing its natural habitat.
- many
 - much
 - lot
 - little
26. Movement can _____ the alarm system which will send a text message to the owner of the house.
- active
 - actively
 - activity
 - activate
27. Email is an _____ way of contacting a large number of people.
- efficient
 - astonished
 - unique
 - professional

28. The traditional beauty of Tuong Binh Hiep lacquerwares has been _____ through many generations.

- A. swallowed B. wandered C. behaved D. preserved

29. He _____ up a bit of French when he was staying in Paris.

- A. picked B. set C. got D. turned

30. The number of people in that area has **mushroomed** from 1 million in 2000 to 20 million today.

The word "mushroomed" is CLOSEST in meaning to _____

- A. rapidly increased B. slowly risen C. steadily decreased D. greatly reduced

31. She failed her driving test the **initial** try, but passed the second time.

The word "initial" is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. early B. original C. final D. first

32. Find a mistake in one of the four underlined parts in the following sentence.

She was walking along the country road when suddenly the wind was blowing her hat off.

- A. along B. country road C. was blowing D. off

Choose the sentence that is closest in meaning to each of the given sentences.

33. She said to him, "You should stop smoking."

- A. She warned him not to stop smoking B. She said to him you should stop smoking.
C. She advised him to stop smoking D. She asked him if he should stop smoking

34. Without the air, we would die.

- A. If there is no air, we will die B. If there were no air, we would die
C. If there is no air, we would die D. If there were no air, we will die

35. Choose the word whose stress pattern is different from that of the others.

- A. tolerant B. confident C. sociable D. efficient

36. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

- A. relieved B. varied C. relaxed D. annoyed

Part 2: Communication

Write ONE word in each blank to make a complete conversation between two friends. Write the words on your answer sheet.

Tony: You look upset, Fred. What's the matter?

Fred: Well, I have a very bad memory. I can't remember anything no matter how hard I try. And my grades are low because of this. (37) _____ do you advise me to do?

Tony: (38) _____ I were you, I would be physically active every day because physical activity raises blood flow to the whole body, including the brain. You should also sleep well because not getting enough sleep is linked to memory loss. And eating a healthy diet is good (39) _____ your brain, too.

Fred: I absolutely (40) _____ with you. Let me write that down before I forget it.

IV. Writing (2.0 points)

Your name is Zeal. Your friend Alex has written to you to ask for some advice on how to improve her English.

Write a letter of about 120 words to Alex to help her. Give her five tips. Include details and examples to support your answer. Begin your letter with "Dear Alex," and end your letter with your name, Zeal.

--- THE END ---

HƯỚNG DẪN GIẢI

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

11. C	12. B	13. D	14. D	15. A	16. B	17. A	18. D	19. A	20. C
21. A	22. D	23. B	24. B	25. A	26. D	27. A	28. D	29. A	30. A
31. C	32. C	33. C	34. B	35. D	36. C	37. What	38. If	39. for	40. agree

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

11. (NB)**Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

- Thì quá khứ tiếp diễn: S + were/ was + V-ing

Tạm dịch: Nghiên cứu cho biết ong, kiến và bọ cánh cứng đang biến mất nhanh gấp 8 lần so với động vật có vú, chim hoặc bò sát.**Đáp án C.****12. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:****A.** construction (n): xây dựng**B.** loss (n): mất, thiệt hại**C.** happiness (n): hạnh phúc**D.** benefit (n): lợi ích**Tạm dịch:** Sự biến mất của côn trùng gây hậu quả nghiêm trọng vì chúng cung cấp nguồn thức ăn cho nhiều loài chim, dơi và bò sát, trong khi thực vật thụ phấn nhờ côn trùng.**Đáp án B.****13. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:****A.** water: nước**B.** air: không khí**C.** noise: tiếng ồn**D.** light: ánh sáng**Tạm dịch:** Các nhà khoa học cho biết ô nhiễm ánh sáng có thể góp phần làm giảm số lượng côn trùng trong những thập kỷ gần đây.**Đáp án D.****14. (TH)****Kiến thức:** Đọc hiểu**Giải thích:**

- prevent from: ngăn chặn

Tạm dịch: Các nhà nghiên cứu cho rằng những chiếc đèn này có thể ngăn côn trùng ban đêm đẻ trứng.

Đáp án D.

15. (TH)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

A. eaten: ăn

B. cooked: nấu

C. cared: quan tâm

D. helped: giúp

Tạm dịch: Các nhà nghiên cứu cho rằng những ánh sáng này có thể ngăn côn trùng ban đêm đẻ trứng hoặc khiến côn trùng có nguy cơ bị những kẻ săn mồi như dơi nhìn thấy và ăn thịt.

Đáp án A.

Dịch bài đọc:

Các nhà khoa học ngày càng lo ngại về sự suy giảm của một số quần thể côn trùng. Một đánh giá khoa học về số lượng côn trùng vào năm 2019 đã chỉ ra rằng 40% số loài phải đối mặt với "tốc độ suy giảm đáng báo động" trên khắp thế giới. Nghiên cứu cho biết ong, kiến và bọ cánh cứng đang biến mất nhanh gấp 8 lần so với động vật có vú, chim hoặc bò sát. Sự biến mất của côn trùng gây hậu quả nghiêm trọng vì chúng cung cấp nguồn thức ăn cho nhiều loài chim, dơi và bò sát, trong khi thực vật thụ phấn nhờ côn trùng. Các nhà khoa học cho biết ô nhiễm ánh sáng có thể góp phần làm giảm số lượng côn trùng trong những thập kỷ gần đây. Đèn đường LED hiện đại dường như có tác động lớn nhất. Các nhà nghiên cứu cho rằng những ánh sáng này có thể ngăn côn trùng ban đêm đẻ trứng hoặc khiến côn trùng có nguy cơ bị những kẻ săn mồi như dơi nhìn thấy và ăn thịt.

16. (TH)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Điều nào sau đây là tiêu đề tốt nhất cho đoạn văn?

A. Tương lai tuyệt vời của trẻ nhỏ thừa cân

B. Hơn một nửa số người sẽ bị thừa cân vào năm 2035

C. Các nước nghèo nhất thế giới chống béo phì như thế nào

D. Các nhà nghiên cứu tầm cỡ thế giới của Liên đoàn Béo phì Thế giới

Đáp án B.

17. (TH)

Kiến thức:

Giải thích: Từ "that" trong đoạn 2 đề cập đến

A. obesity (n): béo phì

B. boy (n): chàng trai

C. girl (n): cô gái

D. child (n): trẻ em

Tạm dịch: Béo phì ở trẻ em và thanh niên có xu hướng tăng nhanh hơn so với người lớn.

Đáp án D.

18. (TH)

Kiến thức:

Giải thích: Theo đoạn 2, ai có nhiều khả năng bị béo phì?

A. old people: người già

B. adults: người lớn

C. boys: con trai

D. girls: con gái

Thông tin: Obesity among children and young people is likely to increase faster than **that** among adults. By 2035 it is expected to be at least double the rate seen in 2020 - it will rise by 100% among boys under 18, but go up even more sharply, by 125%, among girls the same age.

Tạm dịch: Béo phì ở trẻ em và thanh niên có xu hướng tăng nhanh hơn so với người lớn. Đến năm 2035, tỷ lệ này dự kiến sẽ ít nhất gấp đôi so với năm 2020 - tỷ lệ này sẽ tăng 100% ở các bé trai dưới 18 tuổi, nhưng thậm chí còn tăng mạnh hơn, 125% ở các bé gái cùng tuổi.

Đáp án D.

19. (TH)

Kiến thức:

Giải thích: Theo đoạn 3, quốc gia nào có nhiều cơ hội chiến thắng hơn trong cuộc chiến chống béo phì?

A. High-income countries: Các nước có thu nhập cao

B. Low-income countries: Các nước có thu nhập thấp.

C. Middle-income countries: Các nước có thu nhập trung bình

D. African countries: Các nước châu Phi

Thông tin: Professor Louise Baur, the federation's president, says that the sharpest increases in obesity will be seen in low- and middle-income countries where lack of preparedness and resources will create a perfect storm that will negatively impact obese people the most.

Tạm dịch: Giáo sư Louise Baur, chủ tịch của liên đoàn, nói rằng sự gia tăng béo phì mạnh nhất sẽ xảy ra ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, nơi thiếu sự chuẩn bị và nguồn lực sẽ tạo ra một cơn bão hoàn hảo tác động tiêu cực nhất đến những người béo phì.

Đáp án A.

20. (TH)

Kiến thức:

Giải thích: Từ "restrict" trong đoạn 4 gần nghĩa nhất với

A. support: hỗ trợ

B. promote: thúc đẩy

C. limit: giới hạn

D. increase: tăng

- restrict: hạn chế

Đáp án C.

Dịch bài đọc:

Béo phì làm tăng nguy cơ mắc bệnh ung thư, bệnh tim và các bệnh khác. Khoảng 2,6 tỷ người trên toàn cầu - chiếm 38% dân số thế giới - đã bị thừa cân hoặc béo phì. Nhưng theo xu hướng hiện tại, con số này dự kiến sẽ tăng lên hơn 4 tỷ người (51%) trong 12 năm tới, theo nghiên cứu của Liên đoàn Béo phì Thế giới.

Béo phì ở trẻ em và thanh niên có xu hướng tăng nhanh hơn so với người lớn. Đến năm 2035, tỷ lệ này dự kiến sẽ ít nhất gấp đôi so với năm 2020 - tỷ lệ này sẽ tăng 100% ở các bé trai dưới 18 tuổi, nhưng thậm chí còn tăng mạnh hơn, 125% ở các bé gái cùng tuổi.

Thụy Sĩ, Na Uy, Phần Lan, Iceland và Thụy Điển là một trong những quốc gia được chuẩn bị tốt nhất để đối phó với bệnh béo phì trong khi Niger, Nigeria, Somalia và Cộng hòa Trung Phi là những ví dụ về các quốc gia nghèo nhất thế giới được chuẩn bị ít nhất. Giáo sư Louise Baur, chủ tịch của liên đoàn, nói rằng sự gia tăng béo phì mạnh nhất sẽ xảy ra ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, nơi thiếu sự chuẩn bị và nguồn lực sẽ tạo ra một cơn bão hoàn hảo tác động tiêu cực nhất đến những người béo phì.

Tình trạng béo phì đang gia tăng trên toàn cầu là do các yếu tố như biến đổi khí hậu, hạn chế của Covid và các chất ô nhiễm hóa học, cũng như việc quảng bá thực phẩm không lành mạnh. Có ý kiến cho rằng các chính phủ nên hạn chế tiếp thị thực phẩm chứa nhiều chất béo, muối hoặc đường và cung cấp thực phẩm lành mạnh trong trường học.

21. (TH)

Kiến thức: Giới từ

Giải thích:

- the key to success: chìa khoá đưa đến thành công

Tạm dịch: Làm việc chăm chỉ là chìa khóa đưa đến thành công.

Đáp án A.

22. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích:

- Cấu trúc "although": Although + S + V, S + V

Tạm dịch: Chiếc xe tuy cũ nhưng vẫn chạy tốt.

Đáp án D.

23. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích:

- persuade + to + V-infinitive: thuyết phục

Tạm dịch: Anh ấy muốn đi xa, nhưng bạn bè của anh ấy đã thuyết phục anh ấy ở lại.

Đáp án B.

24. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích:

- So sánh hơn nhất: the + adj (est)

Tạm dịch: Cá voi xanh ở Nam Cực là loài động vật lớn nhất hành tinh, nặng tới 180.000 kg (trung đương 33 con voi) và dài tới 30 mét.

Đáp án B.

25. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích:

- so many + N (đếm được số nhiều): rất nhiều

Tạm dịch: Với rất nhiều diện tích rừng bị đốn hạ, rất nhiều động vật hoang dã đang mất đi môi trường sống tự nhiên.

Đáp án A.

26. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích:

- can + V-infinitive: có thể...

Tạm dịch: Chuyển động có thể kích hoạt hệ thống báo động sẽ gửi tin nhắn văn bản đến chủ nhân của ngôi nhà.

Đáp án D.

27. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. efficient (adj): hiệu quả

B. astonished (adj): ngạc nhiên

C. unique (adj): độc đáo

D. professional (adj): chuyên nghiệp

Tạm dịch: Email là một cách hiệu quả để liên hệ với một số lượng lớn người.

Đáp án A.

28. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. swallowed (V-ed): nuốt
- B. wandered (V-ed): lang thang
- C. behaved (V-ed): hành xử
- D. preserved (V-ed): bảo quản

Tạm dịch: Nét đẹp truyền thống của sơn mài Trương Bình Hiệp được gìn giữ qua bao đời nay.

Đáp án D.

29. (TH)

Kiến thức: Cụm từ

Giải thích:

- pick up: cải thiện, cải tiến, nâng cao

Tạm dịch: Anh ấy cải thiện được một chút tiếng Pháp khi anh ấy ở Paris.

Đáp án A.

30. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Từ “mushroomed” gần nghĩa nhất với _____

- mushroom: tăng nhanh như nấm

- A. rapidly increased: tăng nhanh
- B. slowly risen: tăng chậm
- C. steadily decreased: giảm đều
- D. greatly reduced: giảm nhiều

Tạm dịch: Số người trong khu vực đó đã tăng lên như nấm từ 1 triệu năm 2000 lên 20 triệu hiện nay.

Đáp án A.

31. (TH)

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Từ “initial” trái nghĩa với từ _____

- initial: ban đầu

- A. early: sớm
- B. original: ban đầu
- C. final: cuối cùng
- D. first: đầu tiên

Tạm dịch: Cô ấy trượt kỳ thi lái xe lần đầu, nhưng đã đậu lần thứ hai.

Đáp án C.

32. (TH)

Kiến thức:

Giải thích: Tìm một lỗi sai ở một trong bốn phần gạch dưới trong câu sau.

- When suddenly + S + V-ed

Sửa: was blowing => blowed

Tạm dịch: Cô ấy đang đi bộ dọc theo con đường quê thì đột nhiên gió thổi bay chiếc mũ của cô ấy.

Đáp án C.

33. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích: Cô ấy nói với anh ấy, "Anh nên ngừng hút thuốc."

- S + advised + O + to + V-infinitive

Tạm dịch: Cô ấy khuyên anh ấy bỏ hút thuốc

Đáp án C.

34. (TH)

Kiến thức: Cấu trúc cơ bản

Giải thích: Không có không khí, chúng ta sẽ chết.

- If + S + V_{ed}, S + would + V_{infinitive}

Tạm dịch: Nếu không có không khí, chúng ta sẽ chết.

Đáp án B.

35. (NB)

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. tolerant /'tɒlərənt/

B. confident /'kɒnfɪdənt/

C. sociable /'səʊʃəbl/

D. efficient /ɪ'fɪʃnt/

Phương án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, còn lại là 1.

Đáp án D.

36. (NB)

Kiến thức: Phát âm

Giải thích:

A. relieved /rɪ'li:vɪd/

B. varied /'veəriəd/

C. relaxed /rɪ'læksɪd/

D. annoyed /ə'nɔɪd/

Phương án C phát âm là /t/, còn lại là /d/.

Đáp án C.

37. (TH)

Kiến thức: Đọc hiểu

Tạm dịch: Bạn khuyên tôi nên làm gì?

Đáp án What.

38. (TH)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Câu điều kiện loại 2: If + S + V-ed, S + would/ could + V-infinitive

Tạm dịch: Tôi là bạn, tôi sẽ hoạt động thể chất mỗi ngày vì hoạt động thể chất làm tăng lưu lượng máu đến toàn bộ cơ thể, bao gồm cả não.

Đáp án If.

39. (TH)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: good for: tốt cho...

Tạm dịch: Và ăn một chế độ ăn uống lành mạnh cũng tốt cho não của bạn.

Đáp án for.

40. (TH)

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: agree with: đồng ý với...

Tạm dịch: Tôi hoàn toàn đồng ý với bạn. Hãy để tôi viết nó xuống trước khi tôi quên nó.

Đáp án agree.

Dịch đoạn hội thoại:

Tony: Trông anh có vẻ khó chịu, Fred. Có chuyện gì vậy?

Fred: Chà, tôi có một trí nhớ rất tệ. Tôi không thể nhớ bất cứ điều gì cho dù tôi cố gắng thế nào. Và điểm của tôi thấp vì điều này. Bạn khuyên tôi nên làm gì?

Tony: Nếu tôi là bạn, tôi sẽ hoạt động thể chất hàng ngày vì hoạt động thể chất làm tăng lưu lượng máu đến toàn bộ cơ thể, bao gồm cả não. Bạn cũng nên ngủ đủ giấc vì ngủ không đủ giấc có liên quan đến chứng mất trí nhớ. Và ăn một chế độ ăn uống lành mạnh cũng tốt cho não của bạn.

Fred: Tôi hoàn toàn đồng ý với bạn. Hãy để tôi viết nó xuống trước khi tôi quên nó.